CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC CHỌN NGHỀ CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NỘI TRÚ NGƯỜI KHMER TỈNH VĨNH LONG

Nguyễn Nhật Minh
Công ty TNHH Tư vấn và Giáo dục Nhựt Trường
Email: nguyennhatminh96@gmail.com

Tóm tắt: *Chọn nghề là một trong những quyết định quan trọng nhất trong cuộc đời mỗi học sinh, đặc biệt là học sinh dân tộc thiểu số – những em có các lựa chọn bị chi phối bởi rào cản kinh tế và kỳ vọng văn hóa. Nghiên cứu này tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn nghề của 180 học sinh dân tộc Khmer đang học tại trường trung học phổ thông nội trú tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam. Trên cơ sở Thuyết Nhận thức xã hội về nghề nghiệp (Lent, Brown và Hackett, 1994) và lí thuyết thu hẹp – thỏa hiệp của Gottfredson (1981), nghiên cứu sử dụng bảng hỏi theo thang Likert 5 mức độ, phỏng vấn sâu và xử lí thống kê bằng phần mềm SPSS. Kết quả cho thấy yếu tố gia đình (ĐTB = 4.12) và yếu tố cá nhân (ĐTB = 4.05) có ảnh hưởng mạnh nhất, tiếp đến là điều kiện kinh tế, công tác hướng nghiệp của nhà trường, nhu cầu thị trường lao động và yếu tố văn hóa – xã hội. Kỳ vọng của cha mẹ đạt điểm trung bình cao nhất trong toàn bộ các nội dung khảo sát (ĐTB = 4.35), trong khi hiểu biết của học sinh về cơ hội việc làm còn tương đối hạn chế (ĐTB = 3.62). Kiểm định t cho hai mẫu độc lập cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê theo giới tính ở nhóm yếu tố gia đình ($t = -2.58$; $p < 0.05$), theo đó học sinh nữ chịu ảnh hưởng từ gia đình nhiều hơn học sinh nam. Bài viết đề xuất một số biện pháp nhằm tăng cường công tác hướng nghiệp cho nhóm học sinh này, bao gồm cải thiện nguồn thông tin nghề nghiệp, phối hợp chặt chẽ hơn giữa nhà trường và gia đình, tổ chức các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp và nâng cao năng lực tự nhận thức của học sinh.*

Từ khóa: *chọn nghề, hướng nghiệp, học sinh THPT nội trú, dân tộc Khmer, Vĩnh Long.*

FACTORS INFLUENCING CAREER CHOICE AMONG KHMER STUDENTS AT ETHNIC BOARDING HIGH SCHOOLS IN VINH LONG PROVINCE

Abstract: *Career choice is one of the most consequential decisions in a student's life, particularly for ethnic minority students whose options are shaped by economic constraints and cultural expectations. This study examines the factors influencing the career choices of 180 Khmer ethnic minority students attending boarding high schools in Vinh Long province, Vietnam. Drawing on Social Cognitive Career Theory (Lent, Brown, & Hackett, 1994) and Gottfredson's (1981) theory of circumscription and compromise, the study employed a five-point Likert questionnaire, in-depth interviews, and statistical analysis using SPSS. Findings indicate that family factors (M = 4.12) and individual factors (M = 4.05) exert the strongest influence, followed by economic conditions, school-based career guidance, labour market demand, and socio-cultural factors. Parental expectations recorded the highest mean score across all items (M = 4.35), while students' knowledge of employment opportunities remained comparatively limited (M = 3.62). An independent-samples t-test revealed a statistically significant gender difference in the family factor ($t = -2.58$; $p < .05$), with female students reporting greater family influence than their male peers. The article proposes a set of measures to strengthen career guidance for this student population, including improved career information resources, closer school–family coordination, experiential career activities, and enhanced student self-awareness.*

Keywords: *career choice, career guidance, boarding high school students, Khmer ethnic minority, Vinh Long.*

Nhận bài: 15/05/2026 *Phản biện: 16/06/2026* *Duyệt đăng: 18/06/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hướng nghiệp và chọn nghề cho học sinh phổ thông là nhiệm vụ quan trọng của giáo dục, giúp các em định hướng tương lai phù hợp với năng lực bản thân và nhu cầu xã hội. Đối với học sinh dân tộc thiểu số nói chung và học sinh Khmer nói riêng, vấn đề chọn nghề còn mang những đặc thù riêng do ảnh hưởng của điều kiện kinh tế, văn hóa, phong tục tập quán và môi trường sống.

Nghiên cứu gần đây của Nguyễn Thị Thanh Thủy (2025) trên 698 học sinh và 169 giáo viên, cán bộ quản lý các trường phổ thông dân tộc nội trú tại 8 tỉnh cho thấy lựa chọn nghề nghiệp của học sinh dân tộc thiểu số chủ yếu tập trung vào các ngành nghề truyền thống, chịu chi phối mạnh bởi môi trường sống và tập quán nghề nghiệp của gia đình; đồng thời các em gặp nhiều khó khăn do cơ sở vật chất thiếu thốn, nhận thức của gia đình hạn chế và kết quả học tập thấp hơn mặt bằng chung. Kết quả này phù hợp với luận điểm của Gottfredson (1981) rằng cá nhân có xu hướng thu hẹp (circumscription) phạm vi nghề nghiệp khả dĩ và thỏa hiệp (compromise) với các rào cản thực tế, cũng như với Thuyết Nhận thức xã hội về nghề nghiệp (Lent và cộng sự, 1994), trong đó các biến bối cảnh như hoàn cảnh kinh tế, hỗ trợ của gia đình và nhà trường tác động trực tiếp đến niềm tin năng lực bản thân và kỳ vọng kết quả của người học.

Tỉnh Vĩnh Long có bộ phận dân cư là người Khmer sinh sống, với nhiều học sinh theo học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú. Môi trường nội trú vừa tạo điều kiện học tập tập trung, vừa đặt ra những thách thức riêng về tâm lý, nhận thức và tiếp cận thông tin nghề nghiệp. Tuy nhiên, cho đến nay các nghiên cứu về chọn nghề chủ yếu tiếp cận học sinh dân tộc thiểu số nói chung (Huỳnh Văn Sơn, 2011; Nguyễn Thị Thanh Thủy, 2025), chưa có nhiều công trình đi sâu vào nhóm học sinh Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long – nơi có đặc thù riêng về văn hóa Phật giáo Nam tông, cấu trúc gia đình và điều kiện kinh tế. Việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc chọn nghề của nhóm học sinh này vì vậy có ý nghĩa thiết thực trong việc nâng cao chất lượng công tác hướng nghiệp, góp phần phát triển nguồn nhân lực vùng đồng bào dân tộc (Ủy ban Dân tộc & Tổng cục Thống kê, 2019).

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Một số khái niệm cơ bản

Nghề nghiệp là một lĩnh vực hoạt động lao động mà trong đó, nhờ được đào tạo, con người có được những tri thức, kỹ năng để tạo ra các sản phẩm vật chất hoặc tinh thần đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Chọn nghề là quá trình cá nhân xác định và lựa chọn một nghề nghiệp phù hợp với năng lực, hứng thú, giá trị của bản thân và điều kiện thực tế, nhằm chuẩn bị cho tương lai nghề nghiệp. Theo Holland (1997), sự phù hợp giữa kiểu nhân cách nghề nghiệp của cá nhân với đặc điểm môi trường làm việc là điều kiện quan trọng của sự hài lòng và ổn định nghề nghiệp lâu dài.

Hướng nghiệp là hệ thống các biện pháp tác động của nhà trường, gia đình và xã hội nhằm giúp học sinh lựa chọn nghề nghiệp phù hợp trên cơ sở kết hợp nguyện vọng, năng lực cá nhân với nhu cầu nhân lực của xã hội. Các nghiên cứu quốc tế cho thấy hoạt động tư vấn, nói chuyện nghề nghiệp có tổ chức trong nhà trường mang lại lợi ích rõ rệt cho học sinh phổ thông (Makola và cộng sự, 2021; Wong & Yuen, 2019).

Về mặt lí thuyết, bài viết vận dụng Thuyết Nhận thức xã hội về nghề nghiệp (Social Cognitive Career Theory) của Lent và cộng sự (1994), theo đó việc hình thành hứng thú, mục tiêu và hành động chọn nghề chịu tác động của ba biến trung tâm – niềm tin năng lực bản thân, kỳ vọng kết quả và mục tiêu – trong sự tương tác với các biến cá nhân (giới tính, dân tộc) và biến bối cảnh (gia đình, nhà trường, kinh tế). Khung lí thuyết này đặc biệt phù hợp với học sinh dân tộc thiểu số, vì nó cho phép giải thích cách các rào cản khách quan được nội tâm hóa thành giới hạn chủ quan trong quá trình chọn nghề.

2.2. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu: 180 học sinh THPT nội trú người Khmer tỉnh Vĩnh Long (82 nam, 98 nữ).

Phương pháp nghiên cứu: Sử dụng phối hợp phương pháp nghiên cứu lí luận, điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu và thống kê toán học. Bảng hỏi được thiết kế theo thang Likert 5 mức độ, xử lí số liệu bằng phần mềm SPSS.

Thang đánh giá: Điểm trung bình (ĐTB) từ 1.00–1.80: rất ít ảnh hưởng; 1.81–2.60: ít ảnh hưởng; 2.61–3.40: ảnh hưởng trung bình; 3.41–4.20: ảnh hưởng; 4.21–5.00: rất ảnh hưởng.

2.3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

2.3.1. Mức độ ảnh hưởng chung của các nhóm yếu tố

Bảng 1. Mức độ ảnh hưởng của các nhóm yếu tố đến việc chọn nghề (N = 180)

TT	Nhóm yếu tố	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Yếu tố gia đình	4.12	0.68	1
2	Yếu tố cá nhân	4.05	0.71	2
3	Điều kiện kinh tế	3.94	0.75	3
4	Yếu tố nhà trường	3.71	0.79	4
5	Nhu cầu thị trường lao động	3.58	0.83	5
6	Yếu tố văn hóa – xã hội	3.36	0.86	6
	Chung	3.79	0.77	

Ghi chú: ĐTB – Điểm trung bình; ĐLC – Độ lệch chuẩn.

Số liệu Bảng 1 cho thấy các nhóm yếu tố đều có ảnh hưởng đến việc chọn nghề của học sinh với ĐTB chung là 3.79, tương ứng mức "ảnh hưởng". Trong đó, yếu tố gia đình xếp thứ bậc 1 (ĐTB = 4.12) và yếu tố cá nhân xếp thứ bậc 2 (ĐTB = 4.05). Kết quả này phản ánh đặc trưng văn hóa

của cộng đồng Khmer, nơi vai trò định hướng của cha mẹ và người lớn tuổi trong gia đình còn rất đậm nét, đồng thời thống nhất với nhận định của Nguyễn Thị Thanh Thủy (2025) về ảnh hưởng chi phối của tập quán nghề nghiệp gia đình đối với học sinh dân tộc thiểu số. Yếu tố văn hóa – xã hội xếp thứ bậc thấp nhất (ĐTB = 3.36) cho thấy học sinh nội trú, do sống tách khỏi cộng đồng phần lớn thời gian trong năm học, ít chịu tác động trực tiếp từ dư luận cộng đồng hơn so với học sinh sinh sống tại địa phương.

2.3.2. Nhóm yếu tố cá nhân

Bảng 2. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố cá nhân

TT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Năng lực, sở trường học tập	4.21	0.66	1
2	Hứng thú với nghề	4.14	0.70	2
3	Nhận thức về yêu cầu của nghề	3.87	0.74	3
4	Hiểu biết về cơ hội việc làm	3.62	0.81	4
5	Sức khỏe, đặc điểm thể chất	3.41	0.88	5

Kết quả Bảng 2 cho thấy năng lực, sở trường học tập (ĐTB = 4.21) và hứng thú với nghề (ĐTB = 4.14) là hai yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất. Ngược lại, hiểu biết về cơ hội việc làm chỉ đạt ĐTB = 3.62, cho thấy vốn thông tin nghề nghiệp của học sinh còn hạn chế. Đây là điểm nghẽn cần được khắc phục thông qua hoạt động hướng nghiệp, bởi việc chọn nghề chỉ dựa trên hứng thú mà thiếu hiểu biết về thị trường lao động dễ dẫn đến những lựa chọn thiếu bền vững. Theo Lent và cộng sự (1994), kỳ vọng kết quả – tức niềm tin của cá nhân về những gì mình sẽ đạt được khi theo đuổi một nghề – chỉ được hình thành vững chắc khi người học có đủ thông tin về nghề đó.

2.3.3. Nhóm yếu tố gia đình

Bảng 3. Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố gia đình

TT	Nội dung	ĐTB	ĐLC	Thứ bậc
1	Định hướng, kỳ vọng của cha mẹ	4.35	0.61	1
2	Điều kiện kinh tế gia đình	4.18	0.69	2
3	Ý kiến anh chị em, họ hàng	3.92	0.77	3
4	Nghề nghiệp truyền thống của gia đình	3.64	0.85	4

Định hướng, kỳ vọng của cha mẹ có ĐTB cao nhất trong toàn bộ các nội dung khảo sát (ĐTB = 4.35, mức "rất ảnh hưởng"). Kết quả phỏng vấn sâu cũng cho thấy nhiều học sinh sẵn sàng thay đổi nguyện vọng ban đầu khi cha mẹ không đồng thuận. Điều kiện kinh tế gia đình (ĐTB = 4.18) là yếu tố then chốt thứ hai: phần lớn học sinh cho biết ưu tiên những ngành có thời gian đào tạo ngắn, học phí thấp hoặc thuộc diện được hỗ trợ theo chính sách dân tộc. Đây chính là biểu hiện của cơ chế thỏa hiệp mà Gottfredson (1981) đã mô tả: khi gặp rào cản thực tế, cá nhân từ bỏ nguyện vọng ưu tiên để chấp nhận phương án khả thi hơn.

2.3.4. Nhóm yếu tố nhà trường

Trong môi trường nội trú, giáo viên chủ nhiệm giữ vai trò nổi bật (ĐTB = 3.96), vừa là người dạy học vừa là người thay thế một phần vai trò của gia đình. Tuy nhiên, tài liệu, thông tin nghề trong trường chỉ đạt ĐTB = 3.42 – mức thấp nhất trong nhóm, phản ánh sự thiếu hụt về nguồn học liệu hướng nghiệp tại các trường dân tộc nội trú. Hạn chế này đã được ghi nhận trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Thủy (2025), đồng thời cho thấy sự cần thiết của các buổi nói chuyện nghề nghiệp có tổ chức như khuyến nghị của Makola và cộng sự (2021).

2.3.5. So sánh theo giới tính

Kiểm định t cho thấy chỉ có yếu tố gia đình tồn tại khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai giới ($t = -2.58$; $p = 0.011 < 0.05$), theo đó học sinh nữ chịu ảnh hưởng từ gia đình nhiều hơn học sinh nam (ĐTB lần lượt là 4.24 và 3.98). Các nhóm yếu tố còn lại đều có $p > 0.05$, tức không có khác biệt có ý nghĩa. Kết quả này tương đồng với nhận định về bất bình đẳng giới trong lao động, việc làm của người dân tộc thiểu số (Nguyễn Thị Bích Thủy, 2019) và phù hợp với luận điểm của Gottfredson

(1981) về vai trò của khuôn mẫu giới trong việc thu hẹp không gian nghề nghiệp. Điều này gợi ý rằng công tác hướng nghiệp cần chú trọng hơn đến việc phối hợp với gia đình học sinh nữ.

2.3.6. Dự định của học sinh sau khi tốt nghiệp THPT

Kết quả cho thấy 42.2% học sinh dự định học đại học, 22.8% chọn học nghề và 11.7% dự định đi làm ngay. Đáng lưu ý, vẫn còn 4.4% học sinh chưa xác định được hướng đi sau THPT. Tỷ lệ lựa chọn học nghề tương đối cao so với mặt bằng chung, phản ánh tác động của điều kiện kinh tế gia đình đã phân tích ở Bảng 3.

2.4. Một số biện pháp nâng cao hiệu quả hướng nghiệp

Thứ nhất, tăng cường và đổi mới hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường, chú trọng cung cấp thông tin nghề nghiệp phong phú, sát với thực tiễn và phù hợp với đặc điểm học sinh dân tộc thiểu số, nhằm khắc phục hạn chế về hiểu biết cơ hội việc làm (Bảng 2).

Thứ hai, phát huy vai trò của giáo viên chủ nhiệm và cán bộ quản lý nội trú trong tư vấn, định hướng nghề nghiệp; đồng thời phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh – đặc biệt là gia đình học sinh nữ (Bảng 5).

Thứ ba, tổ chức các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp, tham quan cơ sở sản xuất, giao lưu với người thành đạt trong cộng đồng để giúp học sinh mở rộng hiểu biết về thế giới nghề nghiệp.

Thứ tư, tôn trọng bản sắc văn hóa Khmer và phổ biến rộng rãi các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, giúp giảm bớt rào cản kinh tế trong quyết định chọn nghề.

Thứ năm, nâng cao năng lực tự nhận thức của học sinh về bản thân (năng lực, hứng thú, giá trị) để các em chủ động, tự tin hơn khi ra quyết định, đặc biệt với nhóm học sinh chưa xác định được hướng đi (Bảng 6).

3. Kết luận

Việc chọn nghề của học sinh THPT nội trú người Khmer tỉnh Vĩnh Long chịu ảnh hưởng của nhiều nhóm yếu tố đan xen, trong đó yếu tố gia đình (ĐTB = 4.12) và yếu tố cá nhân (ĐTB = 4.05) giữ vai trò chi phối mạnh nhất, tiếp đến là điều kiện kinh tế và công tác hướng nghiệp của nhà trường. Kết quả cũng cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê theo giới tính ở nhóm yếu tố gia đình. Để nâng cao hiệu quả chọn nghề, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, đồng thời chú trọng đến đặc thù văn hóa và điều kiện của học sinh dân tộc Khmer. Đây là cơ sở quan trọng góp phần phát triển nguồn nhân lực chất lượng cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng và tỉnh Vĩnh Long nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). Chương trình giáo dục phổ thông – Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018).

Gottfredson, L. S. (1981). Circumscription and compromise: A developmental theory of occupational aspirations [Monograph]. Journal of Counseling Psychology, 28(6), 545–579. https://doi.org/10.1037/0022-0167.28.6.545

Holland, J. L. (1997). Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments (3rd ed.). Psychological Assessment Resources.

Huỳnh Văn Sơn (2011). Xu hướng chọn nghề nghiệp của học sinh cuối cấp trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông tỉnh Bình Dương hiện nay. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 31, 125–131.

Lent, R. W., Brown, S. D., & Hackett, G. (1994). Toward a unifying social cognitive theory of career and academic interest, choice, and performance [Monograph]. Journal of Vocational Behavior, 45(1), 79–122. https://doi.org/10.1006/jvbe.1994.1027

Makola, Z. S., Saliwe, P., Dube, I., Tabane, R., & Mudau, A. V. (2021). High school learners' views on benefits derived from attending career talks: Need for sound career guidance. The Journal for Transdisciplinary Research in Southern Africa, 17(1), 1–8. https://doi.org/10.4102/td.v17i1.1082

Nguyễn Thị Bích Thủy (2019). Bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động, việc làm của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu dân tộc, 8(4), 9–17.

Nguyễn Thị Lan (2020). Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tạp chí Nghiên cứu dân tộc, 9(4), 7–12.

Nguyễn Thị Thanh Thủy (2025). Thực trạng học tập và xu hướng nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông người dân tộc thiểu số trong bối cảnh chuyển đổi số. Tạp chí Giáo dục, 25(8), 53–58.

Trần Trung, Phạm Đức Bình, Nghiêm Thị Thanh, & Lã Phương Thúy (2020). Các công nghệ nền tảng của Cách mạng công nghiệp 4.0 và tác động đến phát triển nhân lực dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 30, 22–28.

Ủy ban Dân tộc, & Tổng cục Thống kê (2019). Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019. NXB Thống kê.

Wong, L. P. W., & Yuen, M. (2019). Career guidance and counseling in secondary schools in Hong Kong: A historical overview. Journal of Asia Pacific Counseling, 9(1), 1–19. https://doi.org/10.18401/2019.9.1.1